TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **129**/2019/QĐST - DS	*Đơn Dương, ngày 09 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 và các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Quyết định số: 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30/8/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 207/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Tou Prong Th**, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: thôn Kr, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ chồng anh **Tou Prong H**, sinh năm: 1987;
Chị **Ma T**, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng anh Tou Prong H, chị Ma T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Tou Prong Th số tiền 350.715.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Vợ chồng anh Tou Prong H, chị Ma T là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Tou Prong Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Tou Prong Th 11.670.000đ (*Mười một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015860 ngày 26/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Luyện Thanh Sơn